

3.2 Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; Địa chỉ trụ sở chính: Số 198 đường E, phường L, quận U, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ chi nhánh: Tòa nhà VBB, Số 05 đường M, phường P, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T1, năm sinh 1969 - Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Ngọc T2, năm sinh 1990 - Phó trưởng phòng giao dịch G - Ngân hàng Thương mại Cổ phần V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (Xin vắng mặt).

(Theo giấy ủy quyền số 22/UQ-HCM.PGDTDT ngày 20/3/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K trình bày: Ông và bà Võ Hồng T tự nguyện chung sống và kết hôn năm 1987 theo giấy chứng nhận kết hôn số 03/1987, quyền số 01/UB do Ủy ban nhân dân Phường Q, quận W, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/01/1987. Sau khi kết hôn, bà T đi làm việc tại Cộng hòa liên bang Đức và trong thời gian ở Đức thì bà T có quan hệ với người đàn ông khác nhưng do bất ổn về chính trị nên bà T về nước vào năm 1990 và cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ thời gian này, vì con còn nhỏ, có sự khuyên giải của hai gia đình nên cuộc sống của vợ chồng vẫn tiếp tục và đến năm 1995 thì sinh tiếp người con thứ hai nhưng tính cách, suy nghĩ của bà T vẫn không thay đổi và bà T lại có quan hệ với người đàn ông khác. Vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2014. Năm 2017, bà T yêu cầu ly hôn nhưng ông không đồng ý, vì lý do con thứ hai đang học đại học nên cần sự ổn định cho con. Nay các con đã trưởng thành, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt và để ổn định cuộc sống của mỗi người nên ông yêu cầu ly hôn với bà Võ Hồng T.

Về con chung: Ông và bà Võ Hồng T có 02 con chung tên Nguyễn Thái D, ngày sinh 04/11/1987 và Nguyễn Võ H, ngày sinh 14/12/1995. Các con chung đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Căn nhà số 54/17D đường I, Phường O, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc đất là của cha mẹ ông để lại cho ông, sau đó ông bỏ tiền xây nhà nhưng do nhà đã xuống cấp nên ông đã đập bỏ căn nhà cũ và hiện đang xây dựng căn nhà nêu trên. Ngoài ra ngày 11/01/2012 ông và bà T có ký hợp đồng nhận chuyển nhượng của ông Gay Carl Stephen và bà Đào Thị Kim X căn nhà số B2-10 Khu 6B Intresco thuộc dự án khu dân cư 6B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng căn nhà hiện nay chưa hoàn tất thủ tục cập nhật sang tên của ông và bà T mà căn nhà hiện vẫn thuộc quyền sở hữu và sử dụng

của Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh nhà. Do đó, về tài sản chung ông yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống giữa ông và bà T không có nợ chung nhưng hiện nay ông có nhờ ông Nguyễn Thái D là con ruột của ông và bà T vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 8.000.000.000 đồng để xây dựng căn nhà số 54/17D đường I, Phường O, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh và ông là người thế chấp quyền sử dụng đất của căn nhà trên để đảm bảo cho khoản vay của ông D. Lý do tại thời điểm vay, ông đã lớn tuổi nên không đủ điều kiện vay dài hạn mà ông chỉ được vay ngắn hạn. Nếu vay ngắn hạn thì tiền nợ gốc và tiền lãi mỗi tháng mà ông phải trả là rất cao. Căn nhà trên là tài sản riêng của ông và đây là khoản nợ riêng của ông, không liên quan đến bà T.

Bị đơn bà Võ Hồng T trình bày: Bà cũng đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn Quốc K về quá trình chung sống và kết hôn. Tuy nhiên ông K cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn từ 30 năm nay là không đúng sự thật mà những mâu thuẫn giữa bà và ông K là không đáng kể và chưa đến mức phải ly hôn. Nếu vợ chồng có mâu thuẫn từ lâu thì các con không thể trưởng thành, học hành đầy đủ và không thể tạo lập được một khối tài sản chung. Những năm gần đây giữa bà và ông K không còn sống chung và bà cũng biết ông K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng bà cho rằng đó chỉ là tình cảm nhất thời. Nay ông K yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý, vì bà vẫn còn tình cảm với ông K và các con cần có một gia đình trọn vẹn.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Quốc K có 02 con chung tên Nguyễn Thái D, ngày sinh 04/11/1987 và Nguyễn Võ H, ngày sinh 14/12/1995. Các con chung đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Đối với căn nhà số 54/17D đường I, Phường O, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc đất là của cha mẹ ông K để lại nhưng vợ chồng bỏ tiền ra xây dựng, căn nhà hiện nay không còn vì ông K đã đập bỏ để xây dựng căn nhà mới. Năm 2012 bà và ông K mua thêm căn nhà số B2-10 Khu 6B Intresco thuộc dự án khu dân cư 6B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên căn nhà hiện nay vẫn chưa cập nhật tên bà và ông K. Trường hợp ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn thì bà yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà số 54/17D đường I, Phường O, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh và căn nhà số B2-10 Khu 6B Intresco thuộc dự án khu dân cư 6B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T tạm tính giá trị của hai căn nhà trên là 4.000.000.000 đồng và yêu cầu chia phân nửa giá trị là 2.000.000.000 đồng.

Về nợ chung: Bà T không xác định trong thời gian chung sống với ông K có nợ chung hay không mà chỉ yêu cầu ông K có trách nhiệm trả nợ cho Ngân

hàng Thương mại Cổ phần V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, vì đây là khoản tiền vay của ông K sử dụng riêng có liên quan đến ông Nguyễn Thái D trước khi giải quyết ly hôn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thái D trình bày: Ngày 10/11/2017, ông ký hợp đồng cho vay từng lần trung và dài hạn số 0093/1743/D-TN/XN1 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 8.000.000.000 đồng nhưng khoản vay này không phải vay cho ông mà ông vay dùm cho ông Nguyễn Quốc K, vì ông K lớn tuổi nên Ngân hàng không cho vay dài hạn. Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên thì ông K đã thế chấp quyền sử dụng đất tại số 54/17D đường I, Phường O, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy ông là người ký hợp đồng vay tiền nhưng ông không nhận tiền mà số tiền đó Ngân hàng giải ngân cho ông K theo tiến độ xây dựng và hàng tháng thì ông K có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và tiền lãi thay cho ông bằng cách ông K chuyển tiền qua tài khoản của ông rồi Ngân hàng tự động trừ tiền nợ gốc và tiền lãi hàng tháng. Nay cha mẹ ly hôn thì ông không có ý kiến mà ông đề nghị chuyển khoản vay này sang cho ông K để ông K chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có ông Trần Ngọc T2 là người đại diện hợp pháp trình bày: Căn nhà số 54/17D đường I, Phường O, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông Nguyễn Quốc K theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 6462/UB-GCN do Ủy ban nhân dân quận W, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/12/2008 được ông K thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V - Chi nhánh Hồ Chí Minh để bảo đảm cho khoản nợ vay của ông Nguyễn Thái D theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 0032/1743/TC ngày 25/12/2017. Vì ngày 10/11/2017 ông Nguyễn Thái D có ký hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0093/1743/D-TN/XN1 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, số tiền 8.000.000.000 đồng, thời hạn vay 180 tháng và mục đích vay là xây dựng căn nhà nêu trên. Trong quá trình vay ông D trả nợ đúng hạn, chưa vi phạm. Việc ông K thế chấp tài sản để đảm bảo khoản vay của ông D là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trường hợp Tòa án nhân dân quận Tân Bình có kết luận căn nhà nêu trên thuộc đồng sở hữu của ông Nguyễn Quốc K và bà Võ Hồng T thì ông D hoặc ông K có nghĩa vụ bổ sung, thay đổi tài sản thế chấp khác có giá trị tương đương và việc thay đổi tài sản phải được cấp có thẩm quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V phê duyệt. Do bận công tác nên ông T2 yêu cầu xin vắng mặt trong quá trình giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa;

Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn bà Võ Hồng T.

Về con chung, 02 con đã thành niên và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, ông K yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, ông K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Võ Hồng T vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thái D vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có ông Trần Ngọc T2 - người đại diện hợp pháp có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 03/1987, quyển số 01/UB ngày 25/01/1987 của Ủy ban nhân dân Phường Q, quận W, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian sống chung với nhau phát sinh mâu thuẫn và hiện hai người không còn sống chung. Ông K yêu cầu ly hôn nhưng bà T không đồng ý và cho rằng vẫn còn tình cảm với ông K, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hòa giải và tại phiên tòa ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Bà T cho rằng vẫn còn tình cảm nhưng không có các giải pháp để hàn gắn và tại phiên tòa bà T vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử không có cơ hội để hòa giải đoàn tụ theo mong muốn của bà T. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông K là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, các con chung đã thành niên và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

Về tài sản chung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông K không yêu cầu giải quyết. Bà T mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng có đơn yêu cầu chia tài sản chung. Tòa án đã ra thông báo cho bà T đóng tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung nhưng bà T không thực hiện nên không có cơ sở để xem xét yêu cầu chia tài sản chung của bà T. Đề nghị Hội đồng xét xử

tách yêu cầu này của bà T thành một vụ án khác nếu các đương sự có tranh chấp.

Vì vậy, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của pháp luật chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Quốc K yêu cầu ly hôn bà Võ Hồng T, Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ ly hôn, chia tài sản khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bà Võ Hồng T hiện đang cư trú tại địa chỉ số 8/9 đường N, Phường Q, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông K khởi kiện bà T tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tại phiên tòa, bà Võ Hồng T và ông Nguyễn Thái D vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có ông Trần Ngọc T2 - người đại diện hợp pháp có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, điểm b và c khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông D và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

[4] Xét quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 03/1987 quyền số 01/UB ngày 25/01/1987 của Ủy ban nhân dân Phường Q, quận W, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì hôn nhân giữa ông K và bà T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông K và bà T chung sống với nhau không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không còn và để ổn định cuộc sống của mỗi người nên ông K yêu cầu ly hôn bà T. Bà T cho rằng trong thời gian chung sống với ông K, vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn và vẫn còn tình cảm với ông K nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu, còn bà T không có giải pháp nào để hàn gắn. Tại phiên tòa bà T vắng mặt không lý do, điều đó lại chứng tỏ bà T không có thiện chí hàn gắn với ông K. Đồng thời tại bản tự khai ngày 12/12/2018 của ông Nguyễn Võ H là con chung của ông K, bà T cho biết ông K, bà T không còn ở chung với nhau gần 02 năm nay, tính tình, cách sống không hòa hợp nên việc ly hôn là hợp lý. Bà T hiện đang sống tại quận W, còn ông K hiện đang sống tại huyện C. Xét để duy trì tình cảm vợ chồng cần phải có mong muốn từ hai phía nhưng ông K lại không đồng ý và hiện mỗi người lại sống một nơi. Ông K không còn tình cảm với bà T mà bà T vẫn muốn duy trì thì dẫn đến sự gượng ép, áp lực cho nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do

đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc K ly hôn với bà Võ Hồng T.

[5] Xét quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thái D, ngày sinh 04/11/1987 và Nguyễn Võ H, ngày sinh 14/12/1995. Các con chung đã thành niên và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét tài sản chung: Ông Nguyễn Quốc K xác nhận giữa ông và bà Võ Hồng T có tài sản chung nhưng ông yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 10/12/2018 bà Võ Hồng T có đơn yêu cầu phân chia tài sản chung căn nhà số 54/17D đường I, Phường O, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh và Căn nhà số B2-10 Khu 6B Intresco thuộc dự án khu dân cư 6B xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi xem xét đơn yêu cầu của bà T và các tài liệu kèm theo, Tòa án căn cứ tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu của bà T là tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn và thuộc trường hợp phải đóng tiền tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do đó, ngày 21/02/2019 Tòa án ban hành thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 974A/TB-TA yêu cầu bà T phải nộp số tiền 36.000.000.000 đồng, bà T đã nhận trực tiếp vào ngày 05/3/2019. Tuy nhiên, sau khi nhận thông báo nộp tiền tạm ứng án phí trên và đã hết thời 07 ngày làm việc nhưng bà T không nộp biên lai thu tạm ứng án phí cho Tòa án cũng như không có đơn trình bày lý do không đóng tiền tạm ứng án phí. Vì vậy Tòa án không thụ lý yêu cầu của bà T theo quy định tại khoản 3 Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bà T không đóng tiền tạm ứng án phí như đã phân tích trên nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

[7] Xét nợ chung: Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Quốc K xác nhận không có. Bà Võ Hồng T cũng không đặt ra yêu cầu này. Tuy nhiên bà T cho rằng ông K có nhờ con là Nguyễn Thái D đứng ra vay tiền của Ngân hàng, ông K thế chấp tài sản chung giữa bà và ông K để đảm bảo khoản vay, cần phải được giải quyết dứt điểm trước khi ly hôn để không làm ảnh hưởng đến ông D. Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy ngày 10/11/2017 ông Nguyễn Thái D ký hợp đồng vay tài sản với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 8.000.000.000 đồng, thời hạn vay 180 tháng, mục đích vay là xây dựng căn nhà số 54/17D đường I, Phường O, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Để bảo đảm khoản vay của ông D, ngày 25/12/2017 ông K ký hợp đồng thế chấp giá trị quyền sử dụng đất của chính căn nhà trên với Ngân

hàng Thương mại Cổ phần V- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Ông K và ông D đều thống nhất đây là khoản vay của ông K do ông D đứng tên vay dùm và ông K xác nhận mỗi tháng ông K đều thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc, tiền lãi thay ông D và ông K xác nhận đây là nợ riêng của ông, không liên quan đến bà T. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, bà T không xác định có nợ chung, không đặt ra yêu cầu giải quyết nợ chung và không cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan thể hiện ông K và bà T có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Xét ông Nguyễn Thái D yêu cầu chuyển toàn bộ khoản nợ mà ông K nhờ ông vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh chuyển qua nợ của ông K, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của ông D không liên quan đến vụ án ly hôn giữa ông K và bà T nên yêu cầu của ông là không có cơ sở để xem xét.

[9] Xét Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không yêu cầu giải quyết liên quan đến tài sản của ông K nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí ly hôn: Ông Nguyễn Quốc K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 146, Điều 147, Điều 195, khoản 1 và điểm b, điểm d khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và khoản 1 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng Luật phí, lệ phí và Điều 5, khoản 4 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 8, Điều 9, điểm a khoản 1 Điều 17 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc K ly hôn bà Võ Hồng T.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thái D, ngày sinh 04/11/1987 và Nguyễn Võ H, ngày sinh 14/12/1995. Các con chung đã thành niên và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét yêu cầu chia tài sản chung của bà Võ Hồng T đối với căn nhà số 54/17D đường I, Phường O, quận F, Thành phố

Hồ Chí Minh và Căn nhà số B2-10 Khu 6B Intresco thuộc dự án khu dân cư 6B xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Võ Hồng T không đóng tiền tạm ứng án phí.

Tách yêu cầu chia tài sản chung của bà Võ Hồng T đối với căn nhà số 54/17D đường I, Phường O, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh và Căn nhà B2-10 Khu 6B Intresco thuộc dự án khu dân cư 6B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thành một vụ án dân sự khác nếu các đương sự có tranh chấp.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí do ông Nguyễn Quốc K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0037126 ngày 03/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông Nguyễn Quốc K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Võ Hồng T, ông Nguyễn Thái D và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân Phường Q, quận W;
- (Theo giấy CNKH số 03/1987 ngày 25/01/1987)
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Tuấn Nhu

